

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HS-ST

Ngày: 05-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai;
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Nhật Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

ĐINH VĂN S; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1993; Nơi sinh: Thành phố Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: Số A Tập thể B, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số F, Đường số C KDC N, T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn H và bà Vương Thị L. Có vợ tên Nguyễn Thị Bé H1 và có 01 (một) con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 18/7/2023, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 119/2023/HSST.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2024.

(Bị cáo S có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1988. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
Nơi ở hiện tại: H, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bà Dương Thị Lệ H2, sinh năm: 1986. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Đường số D, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Ông Phạm Nguyên V, sinh năm: 1976. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Ông Châu Lâm Khắc H3, sinh năm: 1987. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Phạm Thế H, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Ông Ứng Điều N, sinh năm: 1985. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: C, KP8, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Ông Nguyễn Lê Đình T, sinh năm: 1997. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: C, KP8, phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Ông Trần Võ Thanh S1, sinh năm: 1987. (có đơn xin vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: M, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Ông Lê Minh T1, sinh năm: 1986. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: M, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Văn C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm: 1974. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: H, Khu Phố B, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Bà Lê Thị T3, sinh năm: 1980. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Tổ N, Khu phố N, phường L, thành phố B,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Địa chỉ liên lạc: H, xã H, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
11. Bà Nguyễn Thị Bé H1, sinh năm: 1992. (có mặt)
Hộ khẩu thường trú: B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Nơi ở hiện tại: H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Ông Trần Văn T4, sinh năm: 1971. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: B, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
13. Bà Võ Thị H4, sinh năm: 1961. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: đường B, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Bà Nguyễn Thị Thu T5; Sinh năm: 1968. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: B, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi ở hiện tại: P, Khu phố B, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Bà Nguyễn Thị Mộng T6; Sinh năm: 1980. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: 1, phường H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Bà Bùi Thị X, sinh năm: 1960. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: khu phố P, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Bà Huỳnh Thị Thanh L1, sinh năm: 1987. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: khu phố M Thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1972. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: G, thị trấn C, huyện C Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Bà Huỳnh Thị Thanh T7, sinh năm: 1973. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Ông Trương Quang T8, sinh năm: 1987. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: khu phố P, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Ông Trần Văn N1, sinh năm: 1966. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi ở hiện tại: T, Tổ A, khu phố M, Thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Ông Phạm Phương L2, sinh năm: 1975. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: H, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
23. Ông Ngô Văn C, sinh năm: 1971. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: M, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Bà Võ Thị N2, sinh năm: 1969. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: 2/71 ấp Hòa Hiệp, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ,
Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Ông Võ Văn T9, sinh năm: 1971. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: H, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Bà Đoàn Thị Hoàng Y, sinh năm 1995. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Tổ A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
27. Ông Dương Văn T10, sinh năm 1990. (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

28. Bà Lê Thị N3, sinh năm: 1941. (vắng mặt).

Hội khẩu thường trú: Tổ A, ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 09/3/2023, Tổ tuần tra 363 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước số I H, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện bị cáo Đinh Văn S điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 72D1-205.12 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra phát hiện trong cốp xe có 98 Card visit ghi nội dung cho vay tiền, kết quả kiểm tra điện thoại của bị cáo S phát hiện nhiều nội dung tin nhắn liên quan đến việc cho vay lãi nặng và đánh bạc nên Tổ tuần tra 363 tiến hành đưa bị cáo S về trụ sở Công an P1, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh lập hồ sơ ban đầu chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý.

Kết quả điều tra xác định: Bị cáo S bắt đầu hoạt động cho vay từ năm 2021 cho đến ngày phát hiện, hình thức cho vay là trả góp hàng ngày với lãi suất từ 20%/tháng đến 37%/tháng, bị cáo S đi rải quảng cáo có kèm theo số điện thoại rồi người vay gọi điện thoại cho bị cáo S để vay tiền, bị cáo S làm giấy vay tiền cho người vay, người vay đóng tiền góp cho bị cáo S bằng hình thức đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (Ngân hàng T17) số tài khoản: 19036042263015 tên Đinh Văn S. Cơ quan điều tra xác định được 09 người vay tiền của bị cáo S, cụ thể như sau:

1. Khoảng tháng 6/2022, anh Trần Văn Đ vay của bị cáo S số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), bị cáo S lấy phí 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), đã đóng hết 25 ngày là 62.500.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Từ ngày 09/7/2022 đến ngày 11/11/2022, bị cáo S cho chị Dương Thị Lệ H2 vay 04 lần:

Lần 1: Ngày 09/7/2022, chị H2 vay 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), góp trong vòng 26 ngày, mỗi ngày góp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), đã đóng hết 26 ngày là 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng);

Lần 2: Ngày 20/7/2022, chị H2 vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng),

phí là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), đã đóng hết 21 ngày là 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng);

Lần 3: Ngày 01/11/2022, chị H2 vay số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), góp trong vòng 26 ngày, mỗi ngày góp 2.000.000 đồng, phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), đã đóng hết 26 ngày là 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng);

Lần 4: Ngày 12/11/2022, chị H2 vay số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), góp trong vòng 26 ngày, mỗi ngày góp 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), phí là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), đã đóng hết 26 ngày là 117.000.000 đồng (một trăm mười bảy triệu đồng).

3. Vào khoảng cuối năm 2022, anh Phạm Nguyên V vay của bị cáo S số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), không lấy phí, anh V đã đóng 24 ngày là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

4. Vào tháng 7/2022, anh Châu Lâm Khắc H3 vay của bị cáo S 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), không lấy phí hồ sơ, đã đóng được 06 ngày là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm ngàn đồng), còn thiếu lại 15 ngày.

5. Vào ngày 10/02/2022, anh Ứng Điều N vay của bị cáo S 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), phí hồ sơ là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), đã đóng được 01 ngày là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

6. Ngày 02/8/2022, anh Nguyễn Lê Đình T vay của bị cáo S 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng), phí hồ sơ 1.000.000 đồng (một triệu đồng), đã đóng hết 21 ngày gốc lẫn lãi cho bị cáo S là 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

7. Ngày 05/9/2022, anh Trần Võ Thanh S1 vay của bị cáo S1 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), phí hồ sơ 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), đã đóng hết 21 ngày gốc lẫn lãi là 12.600.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng); Ngày 22/10/2022, anh Thanh S1 vay của S1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng), phí hồ sơ 500.000 đồng (năm trăm

ngàn đồng), đã đóng hết 21 ngày gốc lẫn lãi là 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

8. Vào ngày 22/7/2024, anh Lê Minh T1 vay của bị cáo S1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng), phí hồ sơ 1.000.000 đồng (một triệu đồng), đã đóng được 18 ngày là 21.600.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng).

9. Anh Nguyễn Thành T2 vay của bị cáo S1 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) (không nhớ thời gian), hình thức trả góp ngày trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng), phí 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng), đã đóng được 04 ngày là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Tổng số tiền bị cáo S1 cho 09 người vay là 435.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng), tổng số tiền bị cáo S1 thu được là 518.500.000 đồng (năm trăm mười tám triệu năm trăm ngàn đồng); thu lợi bất chính là 113.423.810 đồng (một trăm mười ba triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn tám trăm mười đồng) trong đó số tiền 101.673.810 đồng (một trăm lẻ một triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm mười đồng) là tiền lãi thu vượt mức quy định và 11.750.000 đồng (mười một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền phí hồ sơ trái quy định.

Ngoài những người vay tiền trên, Cơ quan điều tra còn thu giữ 09 giấy vay tiền khác do bị cáo Đinh Văn S cất giữ, dựa trên thông tin những người vay tiền có tên Trần Minh M, Nguyễn Thị T11, Đỗ Nguyễn Minh H6, Lương Thị M1, Lê Nguyễn Phan Hoài T12, Dương Văn T13, Lê Đức T14, Nguyễn Thanh S2, Đoàn Thị Hoàng Y, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm việc được với những người này do không có ở nơi cư trú.

Đối với hành vi đánh bạc: bị cáo S2 có quen với 01 người tên L3 (chưa rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 0362907890, đối tượng L3 là người cung cấp các kèo cá độ bóng đá cho bị cáo S2 để bị cáo S2 đưa cho khách đánh nhằm hưởng tiền hoa hồng, từ ngày 18/12/2022 đến ngày 04/01/2023, bị cáo S2 nhận cá cược 10 trận đấu bóng đá, cụ thể như sau:

1. Ngày 18/12/2022, trận A – Pháp, bị cáo S2 đánh Pháp số tiền cá cược 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng); bắt Pháp đồng banh; Tỷ lệ cược: Ăn đủ thua 94; Kết quả cuối cùng: 2 – 2; không thắng thua.

2. Ngày 02/01/2023, trận WestBrom – R2, bị cáo S2 đánh R, số tiền cá cược 1.000.000 đồng (một triệu đồng); Bắt Reading được chấp 1 trái; Tỷ lệ cược ăn 85 thua đủ; Kết quả cuối cùng: 1 – 0; không thắng thua.

3. Ngày 02/01/2023, trận Sheff W – C1, bị cáo S2 đánh Sheff W, số tiền cá cược 2.000.000 đồng (một triệu đồng); bắt S4 chấp 1,5 trái; Tỷ lệ cược: Ăn 91 thua đủ; Kết quả cuối cùng: 5 - 0; bị cáo S2 thắng 1.820.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

4. Ngày 02/01/2023, trận N4 - W2, bị cáo S2 đánh W1, số tiền cá cược 1.000.000 đồng (một triệu đồng); Bắt Watford được chấp 0,5 – 1 trái; Tỷ lệ cược: Ăn 92 thua đủ; Kết quả cuối cùng: 0 - 1; bị cáo S2 thắng 920.000 đồng (chín trăm hai mươi ngàn đồng).

5. Ngày 02/01/2023, trận B1 – M5, bị cáo S2 đánh M2, số tiền cá cược 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Bắt Middlesbrough chấp 0 – 0,5 trái; Tỷ lệ cược: Ăn đủ thua 96; Kết quả cuối cùng: 1 - 3; S2 thắng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

6. Ngày 02/01/2023, trận L4 – R3, bị cáo S2 đánh R1, số tiền cá cược 1.000.000 đồng; Bắt Reims được chấp 1 trái; Tỷ lệ cược: Ăn 83 thua đủ; Kết quả cuối cùng: 1 - 1; bị cáo S2 thắng 830.000 đồng.

7. Ngày 03/01/2023, trận Việt Nam – M6, bị cáo S2 đánh M3, số tiền cá cược 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng); Bắt Myanmar được chấp 2 – 2,5 trái; Tỷ lệ cược: Ăn đủ thua 95; Kết quả cuối cùng: 3 - 0; bị cáo S2 thua 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

8. Ngày 04/01/2023, trận MU - B3, S2 đánh MU với số tiền cá cược 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); Bắt MU chấp 1,5 – 2 trái; Tỷ lệ cược: Ăn 90 thua đủ; Kết quả cuối cùng: 3 - 0; bị cáo S2 thắng 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Số tiền bị cáo S2 dùng vào việc đánh bạc là 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm ngàn đồng).

9. Ngày 04/01/2023, trận E – B4, bị cáo S2 đánh B2, số tiền cá cược 1.000.000 đồng (một triệu đồng); Bắt Brighton chấp 0 – 0,5 trái; Tỷ lệ cược: Ăn 89 thua đủ; Kết quả: 4 - 1; bị cáo S2 thắng 890.000 đồng (tám trăm chín mươi ngàn đồng).

10. Ngày 04/01/2023, trận A1 – N6, bị cáo S2 đánh N5, số tiền cá cược 1.000.000 đồng (một triệu đồng); Bắt Newcastle được chấp 0,5 – 1 trái; Tỷ lệ cược: Ăn 92 thua đủ; Kết quả cuối cùng: 0 - 0; bị cáo S2 thắng 920.000 đồng (chín trăm hai mươi ngàn đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo Đinh Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp toàn bộ tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra thu tập trong hồ sơ vụ án.

Vào ngày 09/3/2023, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của bị cáo Đinh Văn S tại số F đường số C, khu dân cư N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện thu giữ 01 gói nylon bên trong có 01 viên nén màu xám và 01 mảnh vụn viên nén màu xám; 01 gói nylon bên trong có chứa tinh thể không màu là chất ma túy; 01 đĩa bằng sứ màu trắng; 01 tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn; 01 thẻ ATM Ngân hàng T17 số 4220768805457744 mang tên Đinh Văn S, do có dấu hiệu của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên Cơ quan điều tra đã chuyển nguồn tin và vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 16/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh đã khởi tố bị can Đinh Văn S, đến ngày 18/7/2023, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử mức hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo Đinh Văn S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Vật chứng của vụ án: Thu giữ của bị cáo Đinh Văn S:

- 23 tờ giấy tập học sinh và giấy A4 ghi nội dung giấy nhận tiền của 19 người vay (lưu theo hồ sơ vụ án).

- 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng, số máy: JF58E-0145285, số khung: RLHJF5801EY145125, biển số: 72D1-205.12. Qua xác minh, chiếc xe do bà Lê Thị T3 đứng tên chủ sở hữu; 01 (một) giấy đăng ký xe số 002693, biển số: 72D1-205.12 tên Lê Thị T3. Bà Lê Thị T3 khai nhận mua chiếc xe vào năm 2015, đến năm 2021 thì bán chiếc xe trên cho Nguyễn Thị Bé H1 (vợ bị cáo S), bị cáo S lấy xe sử dụng, chị H1 không biết bị cáo S sử dụng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị H1.

- 193 Card visit ghi nội dung cho vay tiền.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max màu xanh, số IMEI: 358538322573350, số IMEI 2: 358538322666352 và kèm 01 (một) sim điện thoại (không kiểm tra được số imei và số sim).

- 02 (hai) giấy chứng nhận kết hôn; 02 (hai) sổ hộ chiếu; 12 (mười hai) sổ hộ khẩu; 01 (một) tập học sinh ghi nội dung cho vay tiền.

- 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 022852828 tên Phạm Phương L2 (23/7/1975; Hộ khẩu thường trú: 4 H, Phường A, quận P).

- 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 251048363 tên Đoàn Thị Hoàng Y (Ngày sinh: 01/8/1995; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng).

- 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 079074011234 tên Nguyễn Thành T2 (Ngày sinh: 24/11/1974; Hộ khẩu thường trú: 487/47C/98 khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

- 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 095085000086 tên Ứng Điều N (Ngày sinh: 01/01/1985; Hộ khẩu thường trú: 59/19 khu phố C, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tất cả đã nhập kho vật chứng Công an Q.

Trách nhiệm dân sự: Những người vay tiền không yêu cầu gì, đề nghị xử lý vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-Q3 ngày 08/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Đinh Văn S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà,

Bị cáo Đinh Văn S có lời khai phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời sau cùng: Bị cáo S mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo S có cơ hội về nuôi con nhỏ và cha già.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Đinh Văn S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo S từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Bị cáo Đinh Văn S phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo S tù và xử phạt bị cáo S từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt hai tội là từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 09/3/2023, Tổ tuần tra 363 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước số 1 H, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện bị cáo Đinh Văn S điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 72D1-205.12 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra phát hiện trong cốp xe có 98 Card visit ghi nội dung cho vay tiền, kết quả kiểm tra điện thoại của bị cáo S phát hiện nhiều nội dung tin nhắn liên quan đến việc cho vay lãi nặng và đánh bạc nên Tổ tuần tra 363 tiến hành đưa bị cáo S về trụ sở Công an P1, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh lập hồ sơ ban đầu chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý.

Kết quả điều tra xác định: Bị cáo S bắt đầu hoạt động cho vay từ năm 2021 cho đến ngày phát hiện, hình thức cho vay là trả góp hàng ngày với lãi suất từ 20%/tháng đến 37%/tháng cao hơn lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật Dân sự là 1,667%/tháng. Cơ quan điều tra xác định được 09 người vay tiền của bị cáo S, cụ thể như sau:

1. Khoảng tháng 6/2022, anh Trần Văn Đ vay của bị cáo S số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), bị cáo S lấy phí 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), đã đóng hết 25 ngày là 62.500.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Từ ngày 09/7/2022 đến ngày 11/11/2022, bị cáo S cho chị Dương Thị Lệ H2 vay 04 lần:

Lần 1: Ngày 09/7/2022, chị H2 vay 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), góp trong vòng 26 ngày, mỗi ngày góp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), đã đóng hết 26 ngày là 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng);

Lần 2: Ngày 20/7/2022, chị H2 vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng), phí là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), đã đóng hết 21 ngày là 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng);

Lần 3: Ngày 01/11/2022, chị H2 vay số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), góp trong vòng 26 ngày, mỗi ngày góp 2.000.000 đồng, phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), đã đóng hết 26 ngày là 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng);

Lần 4: Ngày 12/11/2022, chị H2 vay số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), góp trong vòng 26 ngày, mỗi ngày góp 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), phí là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), đã đóng hết 26 ngày là 117.000.000 đồng (một trăm mười bảy triệu đồng).

3. Vào khoảng cuối năm 2022, anh Phạm Nguyên V vay của bị cáo S số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), không lấy phí, anh V đã đóng 24 ngày là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

4. Vào tháng 7/2022, anh Châu Lâm Khắc H3 vay của bị cáo S 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), không lấy phí hồ sơ, đã đóng được 06 ngày là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm ngàn đồng), còn thiếu lại 15 ngày.

5. Vào ngày 10/02/2022, anh Ứng Điều N vay của bị cáo S 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), phí hồ sơ là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), đã đóng được 01 ngày là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

6. Ngày 02/8/2022, anh Nguyễn Lê Đình T vay của bị cáo S 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng), phí hồ sơ 1.000.000 đồng (một triệu đồng), đã đóng hết 21 ngày gốc lẫn lãi cho bị cáo S là 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

7. Ngày 05/9/2022, anh Trần Võ Thanh S1 vay của bị cáo S1 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), phí hồ sơ 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), đã đóng hết 21 ngày gốc lẫn lãi là 12.600.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng); Ngày 22/10/2022, anh Thanh S1 vay của bị cáo S1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày,

mỗi ngày góp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng), phí hồ sơ 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), đã đóng hết 21 ngày gốc lẫn lãi là 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

8. Vào ngày 22/7/2024, anh Lê Minh T1 vay của bị cáo S1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng), phí hồ sơ 1.000.000 đồng (một triệu đồng), đã đóng được 18 ngày là 21.600.000 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng).

9. Anh Nguyễn Thành T2 vay của bị cáo S1 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) (không nhớ thời gian), hình thức trả góp ngày trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng), phí 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng), đã đóng được 04 ngày là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Tổng số tiền bị cáo S1 cho 09 người vay là 435.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính (bao gồm tiền lãi vượt mức lãi suất cao nhất và tiền làm hồ sơ) mà những người vay tiền phải trả cho bị cáo S1 là: 119.263.889 đồng (một trăm mười chín triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm tám mươi chín đồng). Số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế thu được là: 113.423.810 đồng (một trăm mười ba triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn tám trăm mười đồng) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định mà bị cáo thu được là: 5.550.000 đồng (năm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Đối với hành vi đánh bạc: bị cáo S1 có quen với 01 người tên L3 (chưa rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 0362907890, đối tượng L3 là người cung cấp các kèo cá độ bóng đá cho bị cáo S1 để bị cáo S1 đưa cho khách đánh nhằm hưởng tiền hoa hồng, từ ngày 18/12/2022 đến ngày 04/01/2023, bị cáo S1 nhận cá cược 10 trận đấu bóng đá, trong đó có ngày 04/01/2023, trận MU - BournMount, S1 đánh MU với số tiền cá cược 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); Bắt MU chấp 1,5 – 2 trái; Tỷ lệ cược: Ăn 90 thua đủ; Kết quả cuối cùng: 3 - 0; bị cáo S1 thắng 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), như vậy số tiền bị cáo S1 dùng vào việc đánh bạc là 9.500.000 đồng (chín triệu đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo Đinh Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp toàn bộ tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo Đinh Văn S có năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên có lỗi cố ý.

[4] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng và xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương, do đó cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự.

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo Đinh Văn S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 và “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đinh Văn S được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 23 tờ giấy tập học sinh và giấy A4 ghi nội dung giấy nhận tiền của 19 người vay (lưu theo hồ sơ vụ án).

- Đối với 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng, số máy: JF58E-0145285, số khung: RLHJF5801EY145125, biển số: 72D1-205.12. Qua xác minh, chiếc xe do bà Lê Thị T3 đứng tên chủ sở hữu; 01 (một) giấy đăng ký xe số 002693, biển số: 72D1-205.12 tên Lê Thị T3. Bà Lê Thị T3 khai nhận mua chiếc xe vào năm 2015 đến năm 2021 thì bán chiếc xe trên cho chị Nguyễn Thị Bé H1 (vợ bị cáo S). Bị cáo S lấy xe sử dụng, chị H1 không biết bị cáo S sử dụng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị H1.

- Đối với 193 Card visit ghi nội dung cho vay tiền và 01 (tập học sinh) là các đồ vật bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max màu xanh, số IMEI 1: 358538322573350, số IMEI 2: 358538322666352 và kèm 01 sim điện thoại (không kiểm tra số IMEI và số sim) là phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc cho vay nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Phương L2 01 giấy Chứng minh nhân dân số tên Phạm Phương L2.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Hoàng Y 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân tên Đoàn Thị Hoàng Y.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T2 01 (một) giấy Căn cước công dân tên Nguyễn Thành T2.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ứng Điều N 01 (một) giấy Căn cước công dân tên Ứng Điều N.

- Đối với 02 giấy chứng nhận kết hôn; 02 sổ hộ chiếu; 12 sổ hộ khẩu:

+ Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T4: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Trần Văn T4.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H4: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Võ Thị H4.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T5: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Nguyễn Thị Thu T5.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn C: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Ngô Văn C.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N2 và ông Võ Văn T9: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Võ Thị N2 và ông Võ Văn T9.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N1: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Trần Văn N1.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng T6: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Trần Thị Mộng T15.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị X: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Bùi Thị X.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh T7: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Huỳnh Thị Thanh T7.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Nguyễn Thị B.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T10: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Dương Văn T10.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N3: 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Lê Thị N3.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh L1 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký kết hôn có tên ông Đoàn Thanh H7 và bà Huỳnh Thị Thanh L1.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quang T8 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký kết hôn có tên ông Trương Quang T8 và bà Nguyễn Thị H8.

+ Trả lại cho ông Châu Lâm Khắc H3 01 (một) sổ hộ chiếu mang tên Châu Lâm Khắc H3.

+ Giao Chi cục cho Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 làm thủ tục thông báo để tìm và trả cho chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 (một) sổ hộ chiếu mang tên Huỳnh Phúc Minh T16. Nếu quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày thông báo vẫn không có chủ sở hữu hợp pháp đến xin nhận lại thì giao trả lại cho cơ quan phát hành hộ chiếu để xử lý theo quy định.

[9] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Đối với khoản tiền bị cáo Đinh Văn S dùng để cho vay (tiền gốc) 435.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng) là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước. Tuy nhiên, trong đó những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Thành T2, ông Lê Minh T1, ông Ứng Điều N và ông Châu Lâm Khắc H3 chưa trả hết tiền nợ gốc cho bị cáo. Do đó cần buộc ông Nguyễn Thành T2 nộp số tiền 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn đồng), ông Lê Minh T1 nộp số tiền 2.875.143 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi ba đồng), ông Ứng Điều N nộp lại số tiền: 9.523.810 đồng (chín triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm mười đồng), ông Châu Lâm Khắc H3 nộp lại số tiền: 7.142.857 đồng (bảy triệu một trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng) và bị cáo Đinh Văn S nộp lại số tiền: 411.276.190 đồng (bốn trăm mười một triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm chín mươi đồng) để tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước.

Đối với tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay số tiền 5.550.000 đồng (năm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền do thực hiện hành vi phạm tội mà có được nên buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính (bao gồm tiền lãi vượt quá lãi suất tối đa theo quy định pháp luật và tiền làm hồ sơ) bị cáo thu được từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cần buộc bị cáo Đinh Văn S trả lại bao gồm:

+ Trả lại cho bà Dương Thị Lệ Hằng S3 tiền: 59.011.111 đồng (năm mươi chín triệu không trăm mười một ngàn một trăm mười một đồng).

+ Trả lại cho ông Phạm Nguyên V số tiền: 18.666.667 đồng (mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả lại cho ông Trần Văn Đ số tiền: 14.305.556 đồng (mười bốn triệu ba trăm lẻ năm ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng).

+ Trả lại cho ông Nguyễn Thành T2 số tiền: 438.889 đồng (bốn trăm ba mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín ngàn đồng)

+ Trả lại cho ông Lê Minh T1 số tiền: 5.257.143 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi ba đồng).

+ Trả lại cho ông Trần Võ Thanh S1 số tiền: 8.450.000 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Trả lại cho ông Nguyễn Lê Đình T số tiền: 5.966.667 đồng (năm triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả lại cho ông Ú Điều Ngọc số tiền: 618.254 đồng (sáu trăm mười tám ngàn hai trăm năm mươi tư đồng).

+ Trả lại cho ông Châu Lâm Khắc H3 số tiền: 709.524 đồng (bảy trăm lẻ chín ngàn năm trăm hai mươi bốn đồng).

[10] Đối với đối tượng L3 sử dụng số điện thoại 0362907890 có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo Đinh Văn S về hành vi đánh bạc nhưng do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xử lý và đã có Quyết định tách hành vi, tài liệu liên quan trong vụ án Hình sự số 1736/QĐ-ĐCSHS ngày 21/6/2024 để xử lý sau.

Ngoài những người vay tiền trên, Cơ quan điều tra còn thu giữ 09 giấy vay tiền khác do bị cáo Đinh Văn S cất giữ, dựa trên thông tin những người vay tiền có tên Trần Minh M, Nguyễn Thị T11, Đỗ Nguyễn Minh H6, Lương Thị M1, Lê Nguyễn Phan Hoài T12, Dương Văn T13, Lê Đức T14, Nguyễn Thanh S2, Đoàn Thị Hoàng Y, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm việc được với những người này do không có ở nơi cư trú.

[11] Về án phí: Bị cáo Đinh Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 50, khoản 2 Điều 201, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và “Đánh bạc”, khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn S 0 (chín) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đinh Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và “Đánh bạc” là 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/10/2024.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 193 Card visit ghi nội dung cho vay tiền và 01 (một) tập học sinh ghi nội dung cho vay tiền.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max màu xanh, số IMEI 1: 358538322573350, số IMEI 2: 358538322666352 và kèm 01 sim điện thoại (không kiểm tra số imei và số sims).

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Phương L2 01 giấy Chứng minh nhân dân số tên Phạm Phương L2.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Hoàng Y 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân tên Đoàn Thị Hoàng Y.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T2 01 (một) Căn cước công dân tên Nguyễn Thành T2.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ứng Điều N 01 (một) Căn cước công dân tên Ứng Điều N.

- Đối với 02 giấy chứng nhận kết hôn; 02 sổ hộ chiếu; 12 sổ hộ khẩu:

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T4 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Trần Văn T4.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H4 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Võ Thị H4.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T5 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Nguyễn Thị Thu T5.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn C 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Ngô Văn C.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N2 và ông Võ Văn T9 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Võ Thị N2 và ông Võ Văn T9.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N1 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Trần Văn N1.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng T6 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Trần Thị Mộng T15.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị X 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Bùi Thị X.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh T7 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Huỳnh Thị Thanh T7.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Nguyễn Thị B.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T10 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Dương Văn T10.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N3 01 (một) sổ hộ khẩu có tên Lê Thị N3.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh L1 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký kết hôn có tên ông Đoàn Thanh H7 và bà Huỳnh Thị Thanh L1.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quang T8 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký kết hôn có tên ông Trương Quang T8 và bà Nguyễn Thị H8.

+ Trả lại cho ông Châu Lâm Khắc H3 01 (một) sổ hộ chiếu mang tên Châu Lâm Khắc H3.

+ Giao Chi cục cho Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 làm thủ tục thông báo đề tìm và trả cho chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 (một) sổ hộ chiếu mang tên Huỳnh Phúc Minh T16. Nếu quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày thông báo vẫn không có chủ sở hữu hợp pháp đến xin nhận lại thì giao trả lại cho cơ quan phát hành hộ chiếu để xử lý theo quy định.

(Toàn bộ vật chứng ghi nhận tại biên bản bàn giao nhận tang tài vật số 63/2025 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3).

- Buộc bị cáo Đinh Văn S nộp lại số tiền 411.276.190 đồng (bốn trăm mười một triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm chín mươi đồng) là phương tiện phạm tội để tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước.

- Buộc bị cáo Đinh Văn S nộp lại số tiền 5.550.000 đồng (năm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) đồng tiền có được do thực hiện hành vi phạm tội (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự) để tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp để tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước số tiền nợ gốc chưa trả cho bị cáo cụ thể:

+ Buộc ông Nguyễn Thành T2 nộp số tiền 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

+ Buộc ông Lê Minh T1 nộp số tiền 2.875.143 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn một trăm bốn mươi ba đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

+ Buộc ông Ú Điều N nộp lại số tiền: 9.523.810 đồng (chín triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm mười đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

+ Buộc ông Châu Lâm Khắc H3 nộp lại số tiền: 7.142.857 đồng (bảy triệu một trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

Buộc bị cáo Đinh Văn S trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính bao gồm:

+ Trả lại cho bà Dương Thị Lệ Hằng S3 tiền: 59.011.111 đồng (năm mươi chín triệu không trăm mười một ngàn một trăm mười một đồng).

+ Trả lại cho ông Phạm Nguyên V số tiền: 18.666.667 đồng (mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả lại cho ông Trần Văn Đ số tiền: 14.305.556 đồng (mười bốn triệu ba trăm lẻ năm ngàn năm năm năm mươi sáu đồng).

+ Trả lại cho ông Nguyễn Thành T2 số tiền: 438.889 đồng (bốn trăm ba mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín đồng)

+ Trả lại cho ông Lê Minh T1 số tiền: 5.257.143 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi ba đồng).

+ Trả lại cho ông Trần Võ Thanh S1 số tiền: 8.450.000 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Trả lại cho ông Nguyễn Lê Đình T số tiền: 5.966.667 đồng (năm triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả lại cho ông Ứ Điều Ngọc số tiền: 618.254 đồng (sáu trăm mười tám ngàn hai trăm năm mươi tư đồng).

+ Trả lại cho ông Châu Lâm Khắc H3 số tiền: 709.524 đồng (bảy trăm lẻ chín ngàn năm trăm hai mươi bốn đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Đinh Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- VKSND Quận 3;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Công an Quận 3;
- CATP. HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoài Nam Phương